

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 18 - 01 - 2024  
V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Cẩm Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Khắc Hiệp

2. Ông Nguyễn Văn Miêng

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 353/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1976; địa chỉ: số 133/5 ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Quang Văn V, sinh năm: 1975; địa chỉ: số 133/5 ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, văn bản nêu ý kiến và Đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Vào năm 1999 bà và ông V qua thời gian quen biết rồi tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng. Và vì thiếu hiểu biết pháp luật nên bà và ông V không có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian sống chung bà và ông V có 01 con chung: Quang Minh L, sinh ngày: 20/7/1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Thời gian gần đây bà và ông V có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi và đã sống ly thân. Hiện bà và ông V không thể tiếp tục chung sống với nhau và cũng không hàn gắn tình cảm được nên đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông V nhưng do bà và ông V không có đăng ký kết hôn nên đề nghị tòa tuyên bố không công nhận bà và ông V là vợ chồng.

Về con chung: 01 con chung Quang Minh L, sinh ngày: 20/7/1999 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông V không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông V không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Quá trình tố tụng ông Quang Văn V trình bày:*

Ông đồng ý với lời trình bày của bà H về việc trình sống chung không có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Chúng tôi sống chung nhưng do không am hiểu pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn. Thời gian gần đây ông và bà H có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, đã sống ly thân nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Về con chung có 01 con chung Quang Minh L, sinh ngày: 20/7/1999 đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết. Khi sống chung ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bà H yêu cầu ly hôn với ông Quang Văn V nên đây là tranh chấp “ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Quang Văn V cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh B, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[3] Về tố tụng: Bà H và ông V cùng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[4] Về hôn nhân: qua trình bày của bà H và ông V, Hội đồng xét xử thấy rằng cả hai đều thống nhất bà H và ông V sống chung như vợ chồng từ năm 1999 và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lời trình bày này của bà H và ông V cũng phù hợp với nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, huyện

T (nơi bà H và ông V cư trú) về việc bà H, ông V không có đăng ký kết hôn. Xét việc bà H và ông V có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nhưng sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy nay bà H có yêu cầu ly hôn với ông V và ông V cũng đồng ý nên căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 09/6/2000 cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông V là phù hợp.

[5] Về con chung: Quang Minh L, sinh ngày: 20/7/1999 đã trưởng thành, bà H và ông V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết

[6] Về tài sản chung: Bà H và ông V cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà H và ông V cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, 92, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 14, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Quang Văn V.

2. Về con chung: Quang Minh L, sinh ngày: 20/7/1999 đã trưởng thành, bà H và ông V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông V cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà H và ông V cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000268 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Cẩm Nhung**